

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500
Bãi hàng, bãi công nghệ (giai đoạn 1) thuộc Dự án Mở rộng cảng Quy Nhơn
giai đoạn năm 2020-2030 và tầm nhìn sau năm 2030**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Quyết định số 2190/QĐ-TTg ngày 24/12/2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 1764/QĐ-BGTVT ngày 03/8/2011 của Bộ Giao thông vận tải về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết nhóm cảng biển Nam Trung Bộ (nhóm 4);

Căn cứ Quyết định số 2967/QĐ-UBND ngày 05/9/2014 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 Mở rộng cảng Quy Nhơn giai đoạn năm 2020-2030 và tầm nhìn sau năm 2030, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định;

Xét đề nghị của Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn tại Tờ trình số 216/TTr-QH ngày 14/4/2016 và đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 55/TTr-SXD ngày 21/4/2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 với các nội dung như sau:

1. Tên đồ án: Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Bãi hàng, bãi công nghệ (giai đoạn 1) thuộc Dự án mở rộng cảng Quy Nhơn giai đoạn năm 2020-2030 và tầm nhìn sau năm 2030, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

2. Quy mô và phạm vi nghiên cứu quy hoạch xây dựng: Khu đất quy hoạch xây dựng thuộc phường Hải Cảng và phường Thị Nại, thành phố Quy Nhơn. Giới cận như sau:

- Phía Đông giáp: Đầm Thị Nại.
- Phía Tây giáp: Đầm Thị Nại.
- Phía Nam giáp: Khu dân cư, nhà kho và đường Đồng Đa.
- Phía Bắc giáp: Đầm Thị Nại.

3. Tính chất và mục tiêu quy hoạch:

- Quy hoạch khu bãi hàng tổng hợp và khu dịch vụ hàng hải đảm bảo khả năng tiếp nhận hàng hóa từ cảng Quy Nhơn để trở thành một trong những cảng biển hiện đại mang tầm khu vực, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Bình Định, khu vực Nam Trung bộ và Tây Nguyên.

- Nhằm cụ thể hóa đồ án quy hoạch mở rộng cảng Quy Nhơn giai đoạn năm 2020-2030, đáp ứng các yêu cầu phát triển của cảng Quy Nhơn và đồng bộ kết cấu hạ tầng kỹ thuật theo các giai đoạn phát triển của cảng Quy Nhơn.

- Làm cơ sở pháp lý cho việc quản lý đầu tư xây dựng theo quy hoạch.

4. Quy hoạch sử dụng đất:

STT	Thành phần	Diện tích (m²)	Tỷ lệ (%)
1	Đất xây dựng khu dịch vụ hàng hải	5.770	8,5
2	Đất xây dựng khu bãi hàng tổng hợp	27.450	40,4
3	Đất xây dựng khu xử lý nước thải	1.004	1,5
4	Đất đường nội bộ và mái taluy	20.126	29,5
5	Đất cây xanh	13.687	20,1
Tổng cộng		68.037	100

5. Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật:

a) San nền:

- San nền cục bộ tùy theo khu vực tạo hướng dốc dần về phía các trục đường giao thông chính và thoát ra biển. Độ dốc san nền đảm bảo thoát nước: 0,2% ÷ 0,4%.

- Giải pháp san nền: Cao độ khống chế từ đường Đồng Đa (phía Nam khu đất) có cao độ +2,8m.

- Cao độ san nền thấp nhất: +2.8m; Cao độ san nền cao nhất: +3.76m.

b) Quy hoạch giao thông:

Bố trí các tuyến đường giao thông phục vụ việc xếp dỡ hàng hóa cho khu bãi hàng tổng hợp và khu dịch vụ hàng hải:

- Đường Đ1 có lộ giới 19m (3m - 13m - 3m); Đ3 có lộ giới 20m (3m - 14m - 3m), Đ4 có lộ giới 18m (3m - 15m) kết nối vào đường trục chính của cảng có lộ giới 37m (2.5m - 15m - 2m - 15m - 2.5m);

- Đường Đ2 có lộ giới 16m (3m - 10m - 3m); Đường nội bộ khu dịch vụ hàng hải có lộ giới 8m.

- Đường Đ4 có lộ giới 18m (3m - 15m) (Xây dựng tạm thời trong giai đoạn 1 cách ranh quy hoạch phía Bắc khoảng 13m, sau khi triển khai xây dựng cầu cảng trong giai đoạn 2 sẽ điều chỉnh tuyến đường Đ4 phù hợp với Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 Mở rộng cảng Quy Nhơn đã được phê duyệt).

c) Quy hoạch cấp nước:

- Mạng lưới: Cấp nước sản xuất-sinh hoạt và chữa cháy theo 2 đường ống khác nhau và được thiết kế theo mạng vòng.
- Nguồn nước cấp: Sử dụng nước ngầm từ giếng khoan đã qua xử lý để phục vụ cấp nước sản xuất - sinh hoạt và chữa cháy, về lâu dài đầu nối hệ thống cấp nước sạch tại khu vực.
- Nước cấp cho cứu hỏa: Được lấy từ các trụ cứu hỏa bố trí trên toàn mạng cấp nước với cự ly tiêu chuẩn 100÷150m/01 trụ cứu hỏa.
- Tổng nhu cầu cấp nước sinh hoạt là 8m³/ng.đêm.

d) Quy hoạch thoát nước mưa:

Hệ thống thoát nước mưa được thiết kế theo phương pháp tự chảy. Nước mưa được thu gom vào các tuyến mương BTCT BH400÷600 và BH500÷800 (*trên mặt có tấm đan thép*) bố trí 2 bên đường rồi dẫn thoát ra biển qua 03 cửa xả ở phía Bắc. Hệ thống thoát nước mặt đi riêng hệ thống thoát nước bản.

đ) Quy hoạch cấp điện:

- Đầu nối nguồn từ lưới điện 22KV hiện trạng theo tuyến đường Đồng Đa. Xây dựng thêm 01 trạm hạ áp với tổng công suất 22/0,4kv-260KVA ở phía Tây Bắc để cấp điện cho khu bãi hàng tổng hợp và khu dịch vụ hàng hải.
- Tổng nhu cầu cấp điện: 260KVA.

e) Vệ sinh môi trường:

- Thoát nước bản: Hệ thống thu gom nước bản sinh hoạt đi riêng biệt với hệ thống nước mưa. Nước bản sinh hoạt được xử lý tập trung tại khu xử lý nước thải ở phía Tây Bắc đạt chuẩn trước khi xả ra môi trường.
- Quản lý chất thải rắn: Chất thải rắn trong cảng được thu gom theo dịch vụ vệ sinh môi trường, đưa về các điểm trung chuyển và các khu xử lý chất thải rắn của thành phố Quy Nhơn để xử lý.

Điều 2. Quyết định này làm cơ sở để quản lý quy hoạch, quản lý đầu tư xây dựng và triển khai các bước tiếp theo cho dự án theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Giao thông vận tải, Chủ tịch UBND thành phố Quy Nhơn, Giám đốc Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, PCT P.C.Thắng;
- CVP, PVP CN;
- Lưu: VT, K14, K19 (16b).

